

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05/02/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Th á Trung Nghĩa.

2. Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị V, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số nhà A ấp B, xã C, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Thạch Huỳnh N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà D ấp E, xã C, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Thạch Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22/4/2014, chị Thạch Thị V kết hôn với anh

Thạch Huỳnh N, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị V và anh N đã có 01 (Một) con chung là cháu Thạch Thị Ngọc V1 (Nữ), sinh ngày 11/7/2015. Do bất đồng quan điểm, sống chung không hợp, anh N lại thiếu trách nhiệm với gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn hạnh phúc nữa. Hơn 04 năm nay, chị V và anh N đã không còn sống chung với nhau. Nay chị Thạch Thị V yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn với anh Thạch Huỳnh N.

- *Về con chung*: Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Ngọc V1 và anh N yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh N nhưng anh N đã không thực hiện quyền của mình để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Anh N vắng mặt, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; đồng thời, vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử vụ án dù đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn Thạch Huỳnh N.

Tại biên Bản xác minh ngày 13/9/2019 của Tòa án đối với Công an xã C, thị xã V, thu thập được thông tin như sau: Anh N đang cư trú tại số D ấp E, xã C, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Anh N và chị V kết hôn năm 2014, đã có 01 con chung là cháu V1. Quá trình giải quyết vụ án, Công an xã C có nhận thay các văn bản tố tụng cho anh N và đã giao lại ngay tận tay cho anh N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung và quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, có tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn; Có tiến hành thủ tục hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, cụ thể: không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa.

- Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị V; Về con chung: Giao cho chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Ngọc V1, anh N không phải cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị V được quy định tại Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên quan hệ pháp luật đối với tranh chấp giữa chị V và anh N là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã C, thị xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Lời trình bày của chị Thạch Thị V như đã được nêu trong phần nội dung vụ án phù hợp với thông tin trong Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân xã C cấp và phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án; đồng thời, bị đơn không có văn bản hay ý kiến phản đối đối với nội dung này. Nên đủ căn cứ khẳng định giữa chị V và anh N đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật điều chỉnh. Nhưng chỉ vì mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng mà chị V và anh N đã không sống chung với nhau từ năm 2015 và từ đó cho đến nay, vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị V, chị V được ly hôn với anh Thạch Huỳnh N.

[3] Về con chung: Cháu Thạch Thị Ngọc V1 đã sống với mẹ, vì quyền lợi về mọi mặt của con, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của con, xét nên để cháu V1 tiếp tục được sống với mẹ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Về quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 48, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị V được ly hôn với anh Thạch Huỳnh N.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Giao cho chị Thạch Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Thị Ngọc V1 (Nữ), sinh ngày 11/7/2015. Anh N không phải cấp dưỡng cho con;

Trong thời gian chị V nuôi dưỡng cháu V1, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị V có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định là không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007996 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị V có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Thạch Huỳnh N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt Bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TXV;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS TX V;
- Lưu HSVA; VP.

NGUYỄN NGỌC THANH